

Số: 42 /UBKT

Thừa Thiên Huế, ngày 24 tháng 10 năm 2016

V/v báo cáo hoạt động
ủy ban kiểm tra 6 tháng cuối năm 2016

Kính gửi: Ủy ban Kiểm tra Công đoàn các trường đại học thành viên
và đơn vị trực thuộc.

Thực hiện Công văn số 47/UBKT ngày 12/10/2016 của Ủy ban Kiểm tra Công đoàn Giáo dục Việt Nam về việc xây dựng và báo cáo hoạt động ủy ban kiểm tra năm 2016; Ủy ban Kiểm tra Công đoàn Đại học Huế đề nghị Ủy ban kiểm tra các Công đoàn cơ sở báo cáo hoạt động ủy ban kiểm tra từ tháng 5/2016 đến hết tháng 10/2016.

Nội dung báo cáo cần đánh giá về tình hình tổ chức cán bộ và kết quả hoạt động của ủy ban kiểm tra công đoàn trong 6 tháng (từ tháng 5/2016 đến hết tháng 10/2016), việc triển khai thực hiện Nghị quyết 06b/NQ-TLĐ của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn về “*Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động ủy ban kiểm tra công đoàn*”; việc triển khai Nghị quyết 194/NQ-CPĐN của Ban Chấp hành Công đoàn Giáo dục Việt Nam về “*Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động ủy ban kiểm tra công đoàn giáo dục các cấp*”. Báo cáo nêu ngắn gọn, nêu rõ số liệu cụ thể và đánh giá việc thực hiện từng nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam; nêu những thuận lợi, khó khăn và kinh nghiệm trong hoạt động; những đề xuất, kiến nghị với Đảng, Nhà nước, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Công đoàn Giáo dục Việt Nam và Công đoàn Đại học Huế (nếu có); đồng thời xây dựng chương trình công tác học kỳ II năm học 2016 - 2017.

Đề nghị các đơn vị gửi báo cáo cùng với 05 biểu phụ lục kèm theo và bảng chấm điểm, phân loại ủy ban kiểm tra năm học 2015 – 2016 về Văn phòng Công đoàn Đại học Huế **trước ngày 04 tháng 11 năm 2016**. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề cần trao đổi, xin liên hệ với Ủy ban kiểm tra Công đoàn Đại học Huế để phối hợp giải quyết (qua Văn phòng, điện thoại: 054 3826565)./.

Nơi nhận:

- UBKT CĐGDVN (để b/c);
- BTV, UBKT CĐ ĐHH;
- Như trên;
- Lưu: VPCĐ.



Nguyễn Thành Nhân

Thừa Thiên Huế, ngày 24 tháng 10 năm 2016

TIÊU CHUẨN, THANG ĐIỂM
Phân loại hoạt động Ủy ban kiểm tra Công đoàn cơ sở

1. Tiêu chuẩn và thang điểm:

STT	Nội dung tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm
I	Tiêu chuẩn 1: Về tổ chức hoạt động của Ủy ban Kiểm tra	20	
1	Xây dựng kịp thời và triển khai thực hiện quy chế hoạt động nhiệm kỳ, chương trình hoạt động trong năm học của ủy ban kiểm tra (UBKT) công đoàn (CD); chỉ đạo kịp thời và có hiệu quả hoạt động của UBKT.	4	
2	Thực hiện chế độ sinh hoạt UBKT CD đảm bảo theo đúng quy định của Điều lệ Công đoàn; tham dự đầy đủ các cuộc họp do UBKT CD cấp trên triệu tập.	4	
3	Thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ, chính xác, kịp thời với ban chấp hành CD cùng cấp	3	
4	Thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ, chính xác, kịp thời với UBKT CD cấp trên trực tiếp.	3	
5	- Tổ chức thực hiện có chất lượng việc bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ công tác kiểm tra đối với cán bộ UBKT CD cấp mình và cấp dưới, hoặc cử cán bộ kiểm tra đi bồi dưỡng. - Trong nhiệm kỳ có 70% trở lên cán bộ ủy ban kiểm tra được bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra và công đoàn.	6	
II	Tiêu chuẩn 2: Giúp ban chấp hành, ban thường vụ thực hiện kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Công đoàn đối với CD cùng cấp và cấp dưới.	20	
1	Xây dựng kế hoạch kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Công đoàn từ đầu năm học (đầu năm) và triển khai thực hiện đạt hiệu quả.	3	
2	Theo dõi việc chấp hành Điều lệ Công đoàn và tổ chức thực hiện kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Công đoàn đối với CD cùng cấp đảm bảo chất lượng.	6	
3	Thực hiện kiểm tra ít nhất 20%/năm việc chấp hành Điều lệ Công đoàn đối với cấp dưới đảm bảo chất lượng.	7	
4	Theo dõi, giám sát việc thực hiện kết luận kiểm tra; quản lý và lưu giữ hồ sơ các cuộc kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Công đoàn theo quy định.	4	
III	Tiêu chuẩn 3: Kiểm tra Công đoàn cùng cấp và cấp dưới khi tổ	10	

	<i>chức, cán bộ, đoàn viên có dấu hiệu vi phạm Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị và các quy định của Công đoàn.</i>		
1	Chủ động tìm hiểu, phát hiện vi phạm, dấu hiệu vi phạm Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị và các quy định của CĐ.	2	
2	Thực hiện kiểm tra kịp thời khi có dấu hiệu vi phạm Điều lệ nghị quyết, chỉ thị và các quy định của CĐ cùng cấp (100% dấu hiệu vi phạm khi phát hiện được kiểm tra kịp thời).	3	
3	Thực hiện kiểm tra kịp thời khi có dấu hiệu vi phạm Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị và các quy định của CĐ cấp dưới (100% dấu hiệu vi phạm khi phát hiện được kiểm tra kịp thời).	3	
4	Theo dõi, giám sát việc thực hiện kết luận kiểm tra; quản lý và lưu giữ hồ sơ các cuộc kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm theo quy định.	2	
IV	Tiêu chuẩn 4: Kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản và hoạt động kinh tế của Công đoàn cùng cấp và cấp dưới.	30	
1	Thực hiện việc kiểm tra quản lý, sử dụng tài chính, tài sản và hoạt động kinh tế của công đoàn cùng cấp đảm bảo chất lượng (kiểm tra 01 lần/năm).	7	
2	Thực hiện tốt kiểm tra quản lý, sử dụng tài chính, tài sản và hoạt động kinh tế cấp dưới đảm bảo chất lượng (ít nhất 50% /năm)	8	
3	Tham gia kiểm tra, giám sát việc lập dự toán, quyết toán ngân sách công đoàn hàng năm của đơn vị.	4	
4	Kiểm tra đột xuất quỹ tiền mặt của công đoàn cùng cấp (ít nhất 2 lần/năm).	3	
5	Kiểm tra đột xuất quỹ tiền mặt của công đoàn cấp dưới (ít nhất 20%/năm).	3	
6	Theo dõi, giám sát việc thực hiện kết luận kiểm tra quản lý, sử dụng tài chính, tài sản; quản lý và lưu giữ hồ sơ các cuộc kiểm tra quản lý, sử dụng tài chính, tài sản theo quy định.	5	
V	Tiêu chuẩn 5: Giúp BCH, BTV: giải quyết các khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của công đoàn; tham gia với các cơ quan chức năng Nhà nước và người sử dụng lao động giải quyết khiếu nại, tố cáo của đoàn viên, cán bộ, nhà giáo và lao động theo quy định của pháp luật.	20	
1	Xây dựng được nội quy tiếp, lịch tiếp và thực hiện thường xuyên việc tiếp đoàn viên, người lao động.	4	
2	Giải quyết kịp thời và dứt điểm 100% đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của công đoàn.	6	
3	Chủ động tham gia, giám sát giải quyết có hiệu quả đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của các cơ quan Nhà nước, tổ chức khác có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động, CĐ có văn bản tham gia thể hiện rõ quan điểm giải quyết.	6	

4	Đôn đốc, hướng dẫn kịp thời công tác giải quyết và tham gia giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; quản lý và lưu giữ hồ sơ khiếu nại, tố cáo theo quy định.	4	
Tổng cộng		100	

2. Phân loại: Trên cơ sở tổng số điểm đạt được của các tiêu chuẩn, tập thể ủy ban kiểm tra tự xếp vào một trong 5 loại ủy ban kiểm tra: Xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu.

- Tổng số 5 tiêu chuẩn đạt 96 điểm trở lên: Xếp loại xuất sắc.
- Tổng số 5 tiêu chuẩn đạt 90 đến 95 điểm: Xếp loại tốt.
- Tổng số 5 tiêu chuẩn đạt 70 đến 89 điểm: Xếp loại khá.
- Tổng số 5 tiêu chuẩn đạt 50 đến 69 điểm: Xếp loại trung bình.
- Tổng số 5 tiêu chuẩn đạt dưới 50 điểm: Xếp loại yếu.

3. Thời gian chấm điểm, phân loại hoạt động UBKT:

- UBKT các công đoàn cơ sở trực thuộc: Tự chấm điểm, phân loại hoạt động và gửi kết quả về Ủy ban Kiểm tra Công đoàn (qua Văn phòng) Công đoàn Đại học Huế **trước ngày 04/11/2016**.

- UBKT Công đoàn Đại học Huế: Trên cơ sở chấm điểm, phân loại hoạt động của Ủy ban kiểm tra Công đoàn cơ sở, tổ chức chấm điểm, phân loại hoạt động Ủy ban kiểm tra và tổng hợp báo cáo Công đoàn Giáo dục Việt Nam trước ngày 10/11/2016.

Đề nghị các đơn vị quan tâm thực hiện.


TM. BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ NHIỆM UBKT
NGUYỄN THÀNH NHÂN

TỔ CHỨC ỦY BAN KIỂM TRA CÔNG ĐOÀN
Tính đến hết tháng 10 năm 2016

TT	Cấp công đoàn	Tổng số uỷ viên và cán bộ UBKT hiện có	Trong đó			Triển khai NQ 06b			Tổng số UBKT phân loại hoạt động năm học 2015-2016	Trong đó				
			Nữ	Chuyên trách	Số đã bồi dưỡng ng.vụ	Số đơn vị đã xây dựng kế hoạch	Số đơn vị đã tổ chức HN quán triệt	Số người được quán triệt		Loại xuất sắc	Loại tốt	Loại khá	Loại TB	Loại yếu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Công đoàn cơ sở													

KẾT QUẢ KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ CÔNG ĐOÀN
6 THÁNG CUỐI NĂM 2016
(Từ tháng 5/2016 đến hết tháng 10/2016)

TT	Cấp công đoàn	Tổng số cuộc kiểm tra Điều lệ	Trong đó		Qua kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Công đoàn cho thấy		Ghi chú
			Kiểm tra cùng cấp	Kiểm tra cấp dưới	Những điều chấp hành tốt	Những điều chấp hành chưa tốt	
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Công đoàn cơ sở						
	Tỷ lệ (%)						

....., ngày tháng năm 2016
TM. ỦY BAN KIỂM TRA

KẾT QUẢ KIỂM TRA
KHI CÓ DẤU HIỆU VI PHẠM ĐIỀU LỆ, NGHỊ QUYẾT, CHỈ THỊ
VÀ CÁC QUY ĐỊNH CỦA CÔNG ĐOÀN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2016
(Từ tháng 5/2016 đến hết tháng 10/2016)

TT	Cấp công đoàn	Số cuộc kiểm tra						Số vi phạm		Số bị xử lý kỷ luật					
		Kiểm tra cùng cấp			Kiểm tra cấp dưới			Tổ chức	Cán bộ, đoàn viên	Tổ chức			Đoàn viên		
		Tổ chức	Cán bộ, đoàn viên	Tổ chức	Cán bộ, đoàn viên	Khiển trách	Cảnh cáo			Giải tán	Khiển trách	Cảnh cáo	Cách chức		
1	2	3	4	5	6		7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Công đoàn cơ sở														
Tỷ lệ (%)															

KẾT QUẢ KIỂM TRA QUẢN LÝ SỬ DỤNG TÀI CHÍNH, TÀI SẢN
VÀ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CÔNG ĐOÀN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2016
(Từ tháng 5/2016 đến hết tháng 10/2016)

Biểu số 04

TT	Cấp công đoàn	Kiểm tra cùng cấp						Kiểm tra cấp dưới						Ghi chú
		Số lần kiểm tra	Truy nộp 2% KPCĐ	Truy nộp 1% ĐP	Truy nộp để ngoài sổ KT	Truy nộp khác	Tổng truy nộp	Số lần kiểm tra	Truy nộp 2% KPCĐ	Truy nộp 1% ĐP	Truy nộp để ngoài sổ K. toán	Truy nộp khác	Tổng truy nộp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Công đoàn cơ sở													
Tỷ lệ (%)														

....., ngày tháng năm 2016
TM. ỦY BAN KIỂM TRA

**KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT VÀ THAM GIA GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO
6 THÁNG CUỐI NĂM 2016**

TT	Cấp công đoàn	Số lượt người đến khiếu nại, tố cáo	Số đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của công đoàn				Số đơn thư KN, TC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Nhà nước và các tổ chức khác				Kết quả								
			Số đơn KN		Số đơn tố cáo		Số đơn KN		Số đơn tố cáo		Số người được trả lại làm việc	Số người được hạ mức kỷ luật	Số người được giải quyết các quyền lợi khác						
			Số đơn nhận được	Số đơn giải quyết	Số đơn nhận được	Số đơn giải quyết	Số đơn nhận được	Số đơn giải quyết	Số đơn nhận được	Số đơn giải quyết			Số tiền bồi thường hỗ trợ	Số người được giải quyết về lương	Số người được giải quyết về BHXH	Số người được giải quyết về BHYT	Số người được giải quyết về BHTN	Số người được giải quyết về trợ cấp thôi việc	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11									
1	Công đoàn cơ sở																		
Tỷ lệ (%)																			

....., ngày tháng năm 2016
TM. ỦY BAN KIỂM TRA